

Số: 78/KH-UBND

Hà Giang, ngày 07 tháng 03 năm 2018

KẾ HOẠCH

**Tổ chức thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2020**

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Văn bản của Trung ương quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, định mức kinh tế - kỹ thuật các lĩnh vực;

Căn cứ Thông báo số 47/TB-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2018 của UBND tỉnh, về Thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 02 năm 2018;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi tắt là Nghị định 16/2015/NĐ-CP*) thuộc tỉnh quản lý như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đảm bảo triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, đồng bộ các quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Tiếp tục cải cách tài chính công theo Nghị quyết số 30c của Chính phủ; Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là ĐVSNCL) theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Cơ cấu lại NSNN theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn bền vững.

2. Yêu cầu

- Khuyến khích, tạo điều kiện, thiết lập môi trường hoạt động bình đẳng, cạnh tranh cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Đến Quý IV năm 2018, các đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*) phải hoàn thành nhiệm vụ, đề trình UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo lĩnh vực do tỉnh quản lý.

- Đến năm 2019, cấp huyện phải có từ 2 đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tự chủ chi thường xuyên và tăng mức độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

II. NỘI DUNG

1. Trong phạm vi quản lý nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước theo nhiệm vụ được giao, sở chủ quản rà soát lập hoặc điều chỉnh quy hoạch (nếu có) quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực.

2. Xây dựng pháp luật về quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và ĐVSNCL, trong đó ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước thuộc địa phương quản lý; quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

3. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL.

5. Xây dựng và quy định lộ trình tính đủ vào giá dịch vụ sự nghiệp công, phí để ĐVSNCL áp dụng chung trên địa bàn tỉnh theo giai đoạn của thời kỳ ổn định theo cơ chế tự chủ.

6. Xây dựng, rà soát lại chức năng, nhiệm vụ gắn với đề án vị trí việc làm báo cáo cơ quan quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; sắp xếp tổ chức bộ máy, chủ động về nhân sự trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

7. ĐVSNCL phân loại mức độ tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế được tự chủ về tài chính theo từng loại hình ĐVSNCL gồm:

- ĐVSNCL tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên.
- ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên.
- ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên.

8. ĐVSNCL được sử dụng đất đai, tài sản để cho thuê, sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc liên kết, liên doanh theo quyết định giao tài sản của UBND tỉnh; tự chi phí, bảo toàn và phát triển vốn đã được tỉnh giao.

9. Chuyển đổi một số ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư thành Công ty cổ phần theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

(Nội dung Kế hoạch theo phụ lục đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

Chủ động xây dựng, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và Sở Tài chính (đối với ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh) đối với một số nội dung sau:

a) Căn cứ các quy định của Trung ương, của tỉnh và tình hình thực tế tại đơn vị, Thủ trưởng ĐVSNCL xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN và danh mục dịch vụ công sử dụng một phần NSNN do đơn vị thực hiện.

b) Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng NSNN, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành để xây dựng lộ trình từng năm, theo giai đoạn cụ thể về thời gian để tính từng loại chi phí vào giá hoặc phí từng dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện.

c) Triển khai các quy định về tự chủ trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tự chủ về tổ chức bộ máy, trong đó ĐVSNCL được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; tự chủ về nhân sự theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định quy định theo lĩnh vực; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Việc tổ chức thực hiện phải được thảo luận từ viên chức, người lao động, tiến hành công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật.

đ) Đối với ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh: Gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định trình UBND tỉnh quy định.

2. Các Sở chủ quản, sở, ngành thuộc tỉnh

2.1. Xây dựng (hoặc sửa đổi, bổ sung) định mức kinh tế - kỹ thuật:

Trình định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công do địa phương quản lý thuộc lĩnh vực được giao quản lý, trình UBND tỉnh ban hành.

2.2. Thẩm định, tổng hợp đối với các ĐVSNCL trực thuộc, bao gồm ĐVSNCL cấp huyện thuộc ngành quản lý về tổ chức và biên chế.

Trên cơ sở danh mục từng dịch vụ công sử dụng NSNN, lộ trình tính chi phí vào từng loại giá và phí từng DV công do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng:

a) Sở chủ quản thẩm định (hoặc phối hợp với các sở, ngành nếu cần thiết) trình UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

b) Thẩm định mức độ tự chủ đối với từng ĐVSN công lập.

c) Trình UBND tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công của các ĐVSNCL.

2.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định, trình phê duyệt các nội dung triển khai cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

2.4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các ngành: Rà soát, đánh giá các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý, trình UBND tỉnh quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

2.5. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ theo nội dung kế hoạch được phê duyệt.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các chủ quản, Sở Tài chính: Rà soát, đánh giá các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực; thẩm định việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với các ngành, Sở chủ quản thẩm định danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, chỉ đạo các ĐVSNCL thuộc cấp huyện quản lý triển khai nhiệm vụ theo từng nội dung, đề ra giải pháp cụ thể đảm bảo chất lượng và tiến độ đặt ra.

- Đối với một số trường học thuộc cấp huyện quản lý như các trường học chất lượng cao, thực hiện thu học phí theo thỏa thuận quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, trong năm 2018 đề xuất cụ thể số lượng, tên trường tự đảm bảo cân đối chi thường xuyên bắt đầu từ năm ngân sách 2019.

6. Chế độ báo cáo

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Báo cáo Sở chủ quản/Sở Tài chính kết quả thực hiện chế độ tự chủ trước ngày 28/02 năm sau.

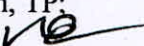
b) Đối với Sở chủ quản: Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ của các ĐVSNCL, tổ chức đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL thuộc quyền quản lý, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài chính trước ngày 10/3 năm sau.

c) Đối với UBND các huyện, thành phố: Tổ chức đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL thuộc quyền quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 10/3 năm sau.

d) Sở Tài chính: Căn cứ báo cáo của Sở chủ quản và UBND các huyện, thành phố, lập báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính trước ngày 31/3 năm sau.

Quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị tổng hợp gửi Sở chủ quản, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành khối tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Lưu VT, KTTH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP
(Kèm theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
I	Rà soát, điều chỉnh, xây dựng Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực do địa phương quản lý trình UBND tỉnh ban hành (trường hợp cần điều chỉnh hoặc chưa ban hành)	Các Sở chủ quản quản lý theo từng lĩnh vực	Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Quý III/2018	
II	Trình UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc các lĩnh vực do địa phương quản lý				
1	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực y tế	Sở Y tế	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
2	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
3	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa và Thể Thao	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
4	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực Khoa học Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
5	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền Thông	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý IV/2018	
6	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực dạy nghề	Sở Lao động TB và XH	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
7	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường	Sở Tài nguyên – Môi trường	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc		UBND tỉnh đã ban hành
8	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
9	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
10	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực công thương	Sở Công thương	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc		UBND tỉnh đã ban hành



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
11	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực xây dựng	Sở Xây dựng	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý III/2018	
12	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực khác	BQL khu kinh tế, Sở Nội vụ; Sở, ngành khác	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; ĐVSN trực thuộc	Quý II/2018	
13	Đối với ĐVSN công lập trực thuộc UBND tỉnh/huyện và ĐVSN thuộc Sở Tài chính	Sở Tài chính, Phòng TC-KH	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; ĐVSN	Quý III/2018	
III	Trình UBND tỉnh/huyện quyết định giao nhiệm vụ, tổ chức bộ máy thực hiện dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo từng lĩnh vực	Các Sở chủ quản, Sở Tài chính, Phòng thuộc huyện	Sở/Phòng Nội vụ, Sở ngành, cơ quan chuyên môn thuộc huyện	Quý II/2018	
IV	Trình UBND tỉnh ban hành (hoặc bổ sung, sửa đổi) định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công do địa phương quản lý	Các Sở chủ quản theo từng lĩnh vực	Sở, ngành có liên quan, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý III/2018	Các năm tiếp theo nếu có điều chỉnh, sửa đổi, BS
V	Trình UBND tỉnh/huyện lộ trình về thời gian và mức độ tự chủ về tài chính của ĐVSN công lập trực thuộc do địa phương quản lý	Sở chủ quản; Sở ngành, Phòng thuộc huyện	Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện, TP; Các ĐVSN trực thuộc	Quý III/2018	